Tên: ……...

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ …, ngày …./….

Ngày nộp bài: Thứ …, ngày …./….

Week: 38

Ngữ pháp HW: ……

Đọc HW: ……

Grammar Revision & Reading Practice

A. THEORY

I. EXTRA VOCABULARY

Con bấm vào link/code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s3_viet_w38_reading

No.	Words	Meanings	Picture	No.	Words	Meanings	Picture
1	**would you like to do something** (phr)	bạn có muốn làm gì không	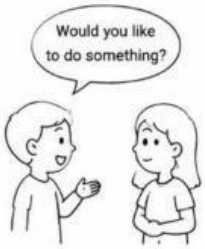	3	**it's difficult to do something** (phr)	thật khó để làm gì đó	
2	**favourite** (adj)	yêu thích nhất		4	**birthday present** (n)	quà sinh nhật	

**Note: n = noun: danh từ; phr = phrase: cụm từ; adj = adjective: tính từ.*

II. GRAMMAR REVISION: Comparative *(So sánh hơn)*

- Short adj là tính từ có **một âm tiết**. (tall, short, big, small, …)

- Long adj là tính từ có từ **2 âm tiết trở lên**. (intelligent, beautiful, expensive, interesting, …)

	Usage	Structure	Example
Comparative	dùng cho 2 đối tượng	S1 + to be + **short adj-er** + than + S2	Bikes are **slower** than cars.
		S1 + to be + **more + long adj** + than + S2	This movie is **more exciting** than that one.

*** Lưu ý:**

1. Tính từ hai âm tiết tận cùng bằng **-y**, **-er**, **-le**, **-ow**, **-et** thì coi là tính từ ngắn.	simp**le** – simpler
2. Tính từ có đuôi **-y**, chuyển **-y** thành **-i** rồi thêm **–er**.	dirt**y** – dirtier
3. Với tính từ ngắn, nếu trước phụ âm cuối là một nguyên âm (u, e, o, a, i) thì gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm **-er**.	b**ig** – bigger

MỘT SỐ TÍNH TỪ SO SÁNH Ở DẠNG ĐẶC BIỆT

No.	Adjective	Comparative	Meaning
1	good	better	tốt
2	bad	worse	tồi tệ
3	little	less	ít
4	much / many	more	nhiều
5	far	further / farther	xa

LIVEWORKSHEETS

B. CLASSWORK

I. Pre-reading: Read each line and predict Helen's or Robert's answer in your own words. Don't look at the options yet. *(Đọc mỗi dòng và dự đoán câu trả lời của Helen hoặc Robert bằng lời của bạn. Chưa cần nhìn các lựa chọn đáp án.)*

Dialogue	Your Prediction
1 Robert: Hello Helen. Where are you going?	_____
2 Robert: Is it your birthday today?	_____
3 Helen: I'm going to get a new computer game.	_____
4 Helen: I haven't got many games. Have you?	_____
5 Helen: Which shop do you think is the best for computer games?	_____
6 Helen: Would you like to come with us?	_____

II. Read the conversation and choose the best answer. Write a letter (A–F) for each answer.
(Đọc cuộc hội thoại và chọn câu trả lời đúng nhất. Viết chữ cái (A–F) tương ứng với từng đáp án.)

Robert is talking to Helen. What do they say?

Example

Robert: *Hello Helen. Where are you going?*

Helen: D

Questions

1. **Robert:** Is it your birthday today?

Helen: ……

2. **Helen:** I'm going to get a new computer game.

Robert: ……

3. **Helen:** I haven't got many games. Have you?

Robert: ……

4. **Helen:** Which shop do you think is the best for computer games?

Robert: ……

5. **Helen:** Would you like to come with us?

Robert: ……

Helen: Of course!

A. Yes lots! My favourite one's called 'Music Man'.
B. I love playing those, but it's difficult to stop sometimes.
C. OK, but I need to phone my parents first.
D. *To the shops with my dad. He's going to buy me a birthday present. (Example)*
E. No, it's next week.
F. You could try the big new one in Swing Road.

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục A. THEORY: EXTRA VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở.

II. Fill in the blanks with the correct comparative form.
(Điền dạng so sánh hơn của các tính từ ngắn.)

Adjective	Comparative
0. big	bigger
1. tall	.....
2. fast	.....
3. hot	.....
4. cold	.....
5. small	.....

III. Circle the correct answers. *(Khoanh vào đáp án chính xác.)*

0. This road / short / that one.
A. This road is more short than that one.
(B.) This road is shorter than that one.

1. My bag / heavy / yours.
A. My bag is heavier than yours.
B. My bag is more heavy than yours.

2. The river / long / the lake.
A. The river is longer than the lake.
B. The river is more long than the lake.

3. Today / cold / yesterday.
A. Today is more cold than yesterday.
B. Today is colder than yesterday.

4. My cat / small / your dog.
A. My cat is more small than your dog.
B. My cat is smaller than your dog.

5. This test / easy / the last one.
A. This test is easier than the last one.
B. This test is more easy than the last one.

IV. Complete the sentences using the comparative form. *(Hoàn thành câu sử dụng dạng so sánh hơn.)*

0. My dog is older **(old)** than your cat.
1. This movie is ..... **(interesting)** than the one we watched last week.
2. Tom is ..... **(young)** than his sister.
3. The weather today is ..... **(comfortable)** than yesterday.
4. Her house is ..... **(bright)** than mine.
5. This lesson is ..... **(difficult)** than the previous one.

LIVEWORKSHEETS

READING PRACTICE (6 questions)

Read the conversation from CLASSWORK (page 2) again. Circle the correct answers.
(Đọc lại cuộc hội thoại trong CLASSWORK (trang 2). Khoanh tròn các đáp án đúng.)

1. When is Helen's birthday?

A. Today

B. Next week

C. Yesterday

2. What is Helen going to get?

A. A new computer game

B. A new book

C. A new bicycle

3. How many games does Helen have?

A. She has many games

B. She hasn't got many games

C. She has no games at all

4. What does Robert suggest about the shop?

A. To try the big new one in Swing Road

B. To try the small shop near the park

C. To order online

5. What does Robert say before going with Helen?

A. He can't go because he is busy

B. He needs to phone his parents first

C. He wants to buy a present first

6. How does Helen respond to Robert's question about going together?

A. She says "No, thanks"

B. She says "Of course!"

C. She says "Maybe later"

LIVEWORKSHEETS